TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tú

2. Bà Hoàng Thị Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tường Thị T, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn Quảng L, xã Quảng A, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn Thuận Hòa 1, xã Thuận L, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

(*Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tường Thị T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Vũ Văn L trước đây có tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 1999, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phúc Y, huyện Mê L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L luôn thể hiện lối sống gia trưởng, hay chì chiết và xúc phạm vợ và gia đình vợ, anh L cũng có quan hệ tình cảm với người

phụ nữ khác. Do mâu thuẫn được thời gian dài, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau được gần 03 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Vũ Quang H, sinh năm 2000, Vũ Tường V, sinh ngày 13/10/2008 và Vũ Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/9/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung tên Vũ Tường V và Vũ Ngọc Thảo N.

Đối với con chung Vũ Quang H đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên hòa giải, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Vũ Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Tường Thị T chung sống vào năm 1999, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phúc Y, huyện Mê L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng chung sống đến tháng 7 năm 2021, khi thời điểm có dịch Covid anh L không về nhà được thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh L nhiều lần về Lâm Đồng để hàn gắn với vợ nhưng chị T không đồng ý và xác định là không còn tình cảm với chồng. Từ tháng 7 năm 2021 đến nay thì hai bên không còn chung sống cùng nhau nữa, hiện anh L cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị T làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh L không đồng ý ly hôn vì anh L thương vợ và con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Vũ Quang H, sinh năm 2000, Vũ Tường V, sinh ngày 13/10/2008 và Vũ Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/9/2014. Đối với con chung Vũ Quang H do đã thành niên nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Vũ Tường V và Vũ Ngọc Thảo N: trong quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh L xác định 02 con chung có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn và anh L tôn trọng quyết định của 02 con nên anh L đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà hai tầng xây dựng trên phần đất của bà Bùi Thị S, sinh năm 1954, địa chỉ: Khu 3 Phúc S, thị trấn Phú T, huyện Kinh M,

tỉnh Hải Dương, căn nhà xây năm 2008, giá trị khoảng 100.000.000đ; 01 thửa đất khoảng 100m^2 tọa lạc tại xã Quảng A, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên Tường Thế Q (là anh trai của chị T), trên đất có 01 căn nhà tiền chế và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, giá trị khoảng 200.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của anh và chị T cho 03 con chung, tuy nhiên tại phiên tòa anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh L và chị T có nợ 180.000.000đ của Quỹ tín dụng nhân dân Phú T, huyện Kinh M. Quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ khoản nợ trên, tuy nhiên tại phiên tòa anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với vấn đề nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tường Thị T, cho chị T được ly hôn với anh L. Giao con chung Vũ Tường V, sinh ngày 13/10/2008 và Vũ Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đối với con chung Vũ Quang H, sinh năm 2000 do đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Tường Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Vũ Văn L và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung, hiện anh L cư trú tại xã Thuận L, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn Tường Thị T vắng mặt, tuy nhiên chị T đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Tường Thị T chung sống vào năm 1999, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phúc Y, huyện Mê L (nay là phường Trưng T, thành phố Phúc Y), tỉnh Vĩnh Phúc, do đó hôn nhân chị giữa chị T và anh L là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Theo chị T, anh chị chung sống hạnh phúc được đến khoảng 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L luôn thể hiện lối sống gia trưởng, hay chì chiết và xúc phạm vợ và gia đình, anh L cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hai bên cũng đã không còn chung sống cùng nhau được gần 03 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải tuy nhiên chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau được thời gian dài nhưng không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai bên đều xác định quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn chung sống cùng nhau được thời gian dài, lời khai của các bên về mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với tài liệu Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Xét tình trạng hôn nhân của chị T và anh L là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung là Vũ Quang H, sinh năm 2000, Vũ Tường V, sinh ngày 13/10/2008 và Vũ Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/9/2014.

Cháu Vũ Quang H đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Vũ Tường V, sinh ngày 13/10/2008 và Vũ Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/9/2014, quá trình giải quyết vụ án chị T và anh L đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Tường Thị T và anh Vũ Văn L đều có điều kiện nuôi con là ngang nhau. Tuy nhiên, cháu Vy và cháu Nguyên là bé gái đang trong quá trình dậy thì, việc chung sống với mẹ sẽ tạo điều kiện tốt cho các cháu phát triển toàn diện về tâm, sinh lý. Đồng thời 2 cháu hiện đang sinh sống trực tiếp cùng chị T, 2 cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ không chung sống cùng nhau, tại phiên tòa anh L tôn trọn nguyện vọng của các con, đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết nhằm đảo bảo ổn định cuộc sống của con chung khi cha mẹ ly hôn nên yêu cầu của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên hòa giải, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Tường Thị T về việc yêu cầu anh Vũ Văn L cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L xác định anh chị có tài sản chung là 01 căn nhà hai tầng xây dựng trên phần đất của bà Bùi Thị S, sinh năm 1954, địa chỉ: Khu 3 Phúc S, thị trấn Phú T, huyện Kinh M, tỉnh Hải Dương, căn nhà xây năm 2008, giá trị khoảng 100.000.000đ; 01 thửa đất khoảng 100m^2 tọa lạc tại xã Quảng A, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên Tường Thế Q (là anh trai của chị T), trên đất có 01 căn nhà tiền chế và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, giá trị khoảng 200.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của anh và chị T cho 03 con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo cho anh L làm đơn yêu cầu chia tài sản chung theo quy định, tuy nhiên anh L không làm đơn yêu cầu chia tài sản, đồng thời tại phiên tòa anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không có căn cứ xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung trong vụ án này. Anh L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của chị T và anh L bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

[2.5] Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh L và chị T có nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phú T, huyện Kinh M, tỉnh Hải Dương số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng, anh L yêu cầu anh L và chị T có trách nhiệm trả ½ khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không làm đơn yêu cầu giải quyết, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện có khoản nợ và địa chỉ của người cho vay nợ. Đồng thời, tại phiên tòa anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết đối với khoản nợ trên trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Tường Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tường Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tường Thị T được ly hôn với anh Vũ Văn L.

(Đã đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 01/10/1999 của UBND thị trấn Phúc Y, huyện Mê L(nay là phường Trưng T, T phố Phúc Y), tỉnh Vĩnh Phúc).

- Về con chung: Giao con chung Vũ Tường V, sinh ngày 13/10/2008 và Vũ Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/9/2014 cho chị Tường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung Vũ Quang H, sinh năm 2000 đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu

của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tường Thị T đối với yêu cầu anh Vũ Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tường Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018601 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Đương sự;
- UBND phường Trưng Trắc;
- Lưu HS;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng